



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu**

Laboratory: **Materials laboratory**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao**

Organization: **Center for Excellence in Analysis and Experiment**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1591**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Lê Thị Duyên**

Laboratory manager: **Le Thi Duyen**

Hiệu lực công nhận/ Period of
Validation: **Kể từ ngày /09/2025 đến ngày /09/2030**

Địa chỉ/ Address: **Số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội**
No. 18 Vien Street, Dong Ngac Ward, Hanoi City

Địa điểm/Location: **Nhà E, Đại học Mỏ – Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội**
Building E, Hanoi University of Mining and Geology, No. 18 Vien Street, Dong Ngac Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: **0978-406-866**

Email: **lethiduyen@humg.edu.vn**

Website: **Humg.edu.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1591

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Đất, đá, quặng <i>Soil, rock, ore</i>	Xác định hàm lượng Uranium (U) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Uranium (U) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12886:2020
2.		Xác định hàm lượng Thorium (Th) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Thorium (Th) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,3 mg/kg	TCVN 12886:2020
3.		Xác định hàm lượng Scandium (Sc) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Scandium (Sc) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	2,0 mg/kg	TCVN 12887:2020
4.		Xác định hàm lượng Yttrium (Y) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Yttrium (Y) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	2,0 mg/kg	TCVN 12887:2020
5.		Xác định hàm lượng Lanthanum (La) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Lanthanum (La) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	2,0 mg/kg	TCVN 12887:2020
6.		Xác định hàm lượng Cerium (Ce) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Cerium (Ce) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	2,0 mg/kg	TCVN 12887:2020
7.		Xác định hàm lượng Praseodymium (Pr) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Praseodymium (Pr) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1591

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Đất, đá, quặng <i>Soil, rock, ore</i>	Xác định hàm lượng Neodymium (Nd) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Neodymium (Nd) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	2,0 mg/kg	TCVN 12887:2020
9.		Xác định hàm lượng Samarium (Sm) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Samarium (Sm) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
10.		Xác định hàm lượng Europium (Eu) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Europium (Eu) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
11.		Xác định hàm lượng Gadolinium (Gd) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Gadolinium (Gd) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
12.		Xác định hàm lượng Terbium (Tb) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Terbium (Tb) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
13.		Xác định hàm lượng Dysprosium (Dy) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Dysprosium (Dy) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
14.		Xác định hàm lượng Holmium (Ho) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Holmium (Ho) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1591**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
15.	Đất, đá, quặng <i>Soil, rock, ore</i>	Xác định hàm lượng Erbium (Er) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Erbium (Er) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
16.		Xác định hàm lượng Thulium (Tm) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Thulium (Tm) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
17.		Xác định hàm lượng Ytterbium (Yb) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Ytterbium (Yb) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020
18.		Xác định hàm lượng Lutetium (Lu) Phương pháp khối phổ Plasma cảm ứng <i>Determination of Lutetium (Lu) content Inductively Coupled Plasma Mass Spectrometry method</i>	0,1 mg/kg	TCVN 12887:2020

Chú thích /Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

Trường hợp Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Center for Excellence in Analysis and Experiment that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

